

ỦY BAN DÂN TỘC**ỦY BAN DÂN TỘC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 224/2006/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Ủy ban Dân tộc****BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

Căn cứ Luật Thi đua - Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2003/NĐ-CP ngày 16/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thi đua - Khen thưởng;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Ủy ban Dân tộc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 275/2003/QĐ-UBND ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc, Cơ quan làm công tác dân tộc các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Ksor Phước

ỦY BAN DÂN TỘC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ****THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CỦA ỦY BAN DÂN TỘC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

CHƯƠNG I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Quy chế này quy định về công tác Thi đua - Khen thưởng của Ủy ban Dân tộc, thực hiện theo Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thi đua - Khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng xét khen thưởng gồm:

1. Khen thưởng định kỳ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

Tập thể: Là những tập thể cấp Phòng, cấp Vụ và tương đương.

Cá nhân: Là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng được hưởng lương từ nguồn ngân sách Nhà nước.

2. Khen thưởng đột xuất đối với tập thể, cá nhân trong và ngoài hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc.

Là những cá nhân và tập thể trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các doanh nghiệp trong nước và các tổ chức nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ở vùng dân tộc và miền núi.

Điều 3. Nguyên tắc Thi đua - Khen thưởng của Ủy ban Dân tộc:

1. Nguyên tắc thi đua: Thi đua thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai; đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác giúp nhau cùng tiến bộ. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, mọi cá nhân, tập thể

tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng: Thực hiện khen thưởng trên nguyên tắc: chính xác, công khai, công bằng, kịp thời. Mức khen thưởng phải đảm bảo tương xứng thành tích đạt được, không nhất thiết phải theo trình tự: từ thấp trước đến cao sau.

CHƯƠNG II

CÁC HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua:

1. Thi đua thường xuyên:

Thi đua thường xuyên được tổ chức thực hiện hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhằm thực hiện mục tiêu chương trình công tác đã đề ra.

Các đơn vị trong hệ thống Cơ quan làm công tác Dân tộc từ Trung ương đến địa phương, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp, xây dựng kế hoạch, tiêu chí, chỉ tiêu để phát động thi đua, phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Tổ chức tốt việc đăng ký các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân, tổng kết thi đua thường xuyên và xét khen thưởng vào cuối năm.

2. Phát động thi đua:

Ủy ban Dân tộc phát động các đợt thi đua ngắn hạn hoặc dài hạn trong những điều kiện sau:

Cần gấp rút hoàn thành một nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất, trong một thời gian nhất định.

Nhân kỷ niệm ngày thành lập cơ quan, những ngày lễ lớn của đất nước hoặc theo yêu cầu chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Thi đua- Khen thưởng Trung ương .

Những đợt thi đua này có văn bản hướng dẫn, tổng kết riêng.

Điều 5. Các hình thức khen thưởng:

1. Khen thưởng định kỳ theo năm công tác:

- a) Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc.
- b) Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.
- c) Giấy chứng nhận Lao động tiên tiến; Giấy chứng nhận CSTĐ cơ sở; Giấy chứng nhận CSTĐ cấp Bộ.

2. Khen thưởng do có thành tích đột xuất:

- a) Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.
- b) Thư khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Điều 6. Các danh hiệu thi đua:

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) Tập thể lao động tiên tiến.
- b) Tập thể lao động xuất sắc.
- c) Tập thể lao động tiêu biểu xuất sắc (chỉ tặng cho cấp Vụ và tương đương).

2. Danh hiệu thi đua cá nhân:

- a) Lao động tiên tiến.
- b) Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.
- c) Chiến sỹ thi đua của Ủy ban Dân tộc (cấp Bộ).

Điều 7. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua cá nhân:

1. Danh hiệu lao động tiên tiến: Cá nhân được công nhận danh hiệu lao động tiên tiến phải đạt được các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, các chính sách, Pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;
- c) Có ý thức kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy quy định của cơ quan, có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần đấu tranh chống tiêu cực, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội;

d) Tích cực tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội, có tinh thần cầu thị, học tập để không ngừng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, có đăng ký danh hiệu thi đua. Đạt 60% trở lên số phiếu bầu danh hiệu lao động tiên tiến;

Những người tự ý nghỉ không làm việc 7 ngày trở lên; người nghỉ ốm quá 20 ngày trong năm, người nghỉ thai sản; những người dù có lý do chính đáng nếu có tổng thời gian không làm việc cho Ủy ban Dân tộc (trừ các ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước) từ 3 tháng trong năm trở lên thì không xét danh hiệu Lao động tiên tiến.

Cá nhân bị kỷ luật từ khiển trách trở lên không được bình bầu là lao động tiên tiến.

2. Danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở:

Cá nhân được công nhận chiến sỹ thi đua cấp cơ sở phải đạt 2 tiêu chuẩn sau:

a) Là lao động tiên tiến.

b) Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có sáng kiến, đề xuất được áp dụng trong chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đạt hiệu quả cao. Đạt 60% trở lên số phiếu bầu danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

3. Danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp Bộ.

Cá nhân được công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp Bộ trước hết phải có 3 năm liên tục trở lên đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở.

Có những đề xuất có giá trị trong công việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đạt hiệu quả xuất sắc. Đạt 70% số phiếu bầu danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp Bộ.

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua tập thể:

1. Danh hiệu tập thể lao động tiên tiến:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc:

Phải đạt các tiêu chuẩn của tập thể Lao động tiên tiến. Ngoài ra còn đạt được các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- b) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";
- c) Có ít nhất 15% cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

3. Danh hiệu tập thể lao động tiêu biểu xuất sắc:

Tập thể đạt danh hiệu lao động tiêu biểu xuất sắc, trước hết phải đạt các tiêu chuẩn của tập thể lao động xuất sắc. Ngoài ra còn đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm. Là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.
- b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương học tập.
- c) Có ít nhất 20% cá nhân trong đơn vị đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở".

Điều 9. Các hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể thuộc Ủy ban Dân tộc:

1. Hình thức khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua cá nhân:

- a) Lao động tiên tiến: được cấp giấy chứng nhận lao động tiên tiến theo quy định.
- b) Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: được cấp giấy chứng nhận chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, tặng bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc theo quy định.
- c) Chiến sỹ thi đua cấp Bộ: được cấp giấy chứng nhận chiến sỹ thi đua cấp Bộ, được tặng bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc theo quy định.

2. Hình thức khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua tập thể.

a) Tập thể lao động tiên tiến: được cấp giấy chứng nhận tập thể Lao động tiên tiến theo quy định.

b) Tập thể lao động xuất sắc: Được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc theo quy định.

c) Tập thể lao động tiêu biểu xuất sắc: Được tặng Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc theo quy định (3 đơn vị Vụ địa phương được 01 cờ; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban được 01 cờ; các đơn vị còn lại được 02 cờ).

Điều 10. Khen thưởng đối với Cơ quan công tác dân tộc ở địa phương:

1. Xét khen thưởng công tác năm cho các cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý Nhà nước về dân tộc ở tỉnh, thành phố mình.

- Tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc cho các đơn vị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý Nhà nước về dân tộc ở tỉnh (thành phố) mình.

- Tặng Cờ thi đua cho mỗi vùng được một đơn vị có thành tích xuất sắc nhất, là tấm gương tiêu biểu về tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở vùng đó.

2. Xét khen thưởng đột xuất qua các đợt phát động thi đua, qua thực hiện các chương trình dự án lớn vùng dân tộc và tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc cho tập thể (hoặc cá nhân) đã có thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác dân tộc ở các địa phương.

Điều 11. Khen thưởng đột xuất trong các trường hợp sau:

Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều 2, đã có thành tích đặc biệt xuất sắc phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ an ninh quốc phòng ở vùng dân tộc miền núi hoặc có những hành động dũng cảm, lập thành tích đột xuất, xuất sắc được Thủ trưởng cơ quan cấp trên của cá nhân và tập thể đó đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Điều 12. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng ngoài thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc:

1. Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc được áp dụng theo Điều 15 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ.

2. Các hình thức khen thưởng Nhà nước:

a) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho cá nhân và tập thể áp dụng theo Điều 49 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ.

b) Cờ Thi đua của Chính phủ tặng cho tập thể được áp dụng theo Điều 16 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ.

c) Cá nhân và tập thể được đề nghị tặng thưởng Huy chương, Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước... được thực hiện theo Chương III (Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 4) của Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ.

CHƯƠNG III

QUY TRÌNH, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 13. Các cá nhân, tập thể được đề nghị xét khen thưởng phải thực hiện theo quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng như sau:

1. Đối với cá nhân, tập thể thuộc Ủy ban Dân tộc.

Có báo cáo thành tích được thông qua tại Hội nghị tổng kết thi đua của đơn vị do Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận thành tích.

Biên bản bình bầu danh hiệu thi đua, ghi rõ tỷ lệ % số phiếu bầu có đại diện Chi ủy, Chính quyền, Công đoàn ký xác nhận.

Báo cáo tổng kết thi đua và đề nghị xét khen thưởng của đơn vị do Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận thành tích.

2. Đối với cá nhân, tập thể thuộc cơ quan làm công tác dân tộc ở địa phương

Quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng thực hiện theo quy định như Khoản 1 của điều này.

Phải có ý kiến hiệp y bằng văn bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

3. Đối với cá nhân, tập thể ngoài hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc đề nghị được Ủy ban Dân tộc khen thưởng phải thực hiện theo quy trình thủ tục như sau:

Cá nhân, tập thể có báo cáo thành tích. Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận.

Văn bản đề nghị Ủy ban Dân tộc khen thưởng do Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của cá nhân, tập thể đó đề nghị, có xác nhận của cơ quan làm công tác dân

tộc cấp tỉnh, có ý kiến hiệp y và có văn bản đề nghị của Hội đồng - Thi đua khen thưởng cấp tỉnh nơi cơ quan, đơn vị đặt trụ sở hoặc văn bản đề nghị của Hội đồng Thi đua Khen thưởng cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương trực tiếp quản lý.

4. Hồ sơ khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Thời gian quy định của mỗi đợt xét khen thưởng có văn bản hướng dẫn riêng.

Điều 14. Quy trình thủ tục hồ sơ khen thưởng ngoài thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

1. Đối với cá nhân, tập thể thuộc Ủy ban Dân tộc có đủ điều kiện tiêu chuẩn được đề nghị các hình thức khen thưởng: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua của Chính phủ, các loại Huân chương, Huy chương v.v...do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét.

2. Cá nhân, tập thể thuộc cơ quan làm công tác dân tộc ở địa phương có đủ điều kiện tiêu chuẩn được đề nghị các hình thức khen thưởng, tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ, các loại Huy chương, Huân chương v.v... do Chủ tịch UBND cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xác nhận hiệp y đề nghị khen thưởng.

CHƯƠNG IV

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 15. Nguồn và mức trích quỹ

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban Dân tộc được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước với mức tối đa bằng 15% tổng quỹ tiền lương theo ngạch bậc của số cán bộ, công nhân, viên chức trong biên chế được duyệt.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp, sự nghiệp có thu, doanh nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc được trích từ quỹ khen thưởng của đơn vị theo quy định của Nghị định số 59/CP ngày 30 tháng 10 năm 1996 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với các doanh nghiệp Nhà nước và Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16/01/2002 của Chính phủ về Chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu.

Điều 16. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi:

a) Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm các kỷ niệm chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen;

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ Thi đua, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Kỷ niệm chương, Giấy khen kèm theo khung bằng; còn được thưởng bằng tiền hoặc tặng phẩm kỷ niệm theo nguyên tắc:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn;

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng nếu đạt được các danh hiệu và hình thức khen thưởng khác nhau, thì chỉ được nhận tiền thưởng (hoặc tặng phẩm kèm theo) đối với mức thưởng cao nhất.

Điều 17. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng.

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỉ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc quyết toán dựa trên sổ chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Thủ trưởng cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

3. Các tập thể, cá nhân thuộc Ủy ban Dân tộc quản lý nêu và được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm chi thưởng theo định mức quy định.

Điều 18. Mức tiền thưởng.

1. Đối với cá nhân:

a) Chiến sỹ thi đua cấp Bộ được cấp giấy chứng nhận chiến sỹ thi đua cấp Bộ, được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và thưởng: 1.000.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

b) Chiến sỹ thi đua cơ sở được cấp giấy chứng nhận chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và thưởng: 300.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

c) Lao động tiên tiến được tặng giấy chứng nhận và thưởng: 100.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

2. Đối với tập thể:

a) Tập thể lao động tiên tiến được tặng giấy chứng nhận tập thể Lao động tiên tiến của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và thưởng: 500.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

b) Tập thể lao động xuất sắc được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và thưởng: 1.000.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

c) Tập thể lao động tiêu biểu xuất sắc được tặng cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc và thưởng: 5.000.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

Điều 19. Quyền lợi khác.

Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, Danh hiệu Chiến sỹ Thi đua toàn quốc, được tặng Huân chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; ngoài việc khen thưởng theo quy định, được ưu tiên xét lên lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong nước, nước ngoài.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Trách nhiệm và xử lý vi phạm

1. Cá nhân nào trong việc kê khai thành tích không đúng sự thật để được khen thưởng thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà còn bị xử lý kỷ luật.

2. Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc được thành lập theo

quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc. Hội đồng có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Tư vấn giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng trong hệ thống Cơ quan làm công tác Dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

2. Xây dựng kế hoạch và các văn bản hướng dẫn về công tác Thi đua - Khen thưởng.

3. Hội đồng xét duyệt các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng bằng hình thức biểu quyết. Tổng hợp các danh sách, hồ sơ đề nghị khen thưởng trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định.

4. Xem xét những kiến nghị, vướng mắc hoặc những vi phạm về Quy chế Thi đua - Khen thưởng, trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định.

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc và Cơ quan làm công tác dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 23. Quy chế này thay thế Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Ủy ban Dân tộc đã ban hành kèm theo Quyết định số 275/2003/QĐ-UBDT ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vấn đề vướng mắc đề nghị báo cáo bằng văn bản với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét quyết định./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Ksor Phước

Văn phòng Chính phủ xuất bản

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng